

Số: 06/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;*

*Xét báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”. Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, nơi hội tụ và lan tỏa tinh hoa văn hóa, trí tuệ và nguồn lực của đất nước.

Phát triển kinh tế Thủ đô theo mô hình tăng trưởng mới, dựa trên đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn. Hà Nội giữ vai trò là hạt nhân, cực tăng trưởng và động lực dẫn dắt phát triển vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của Thủ đô;

Từng bước xây dựng Hà Nội trở thành đô thị toàn cầu có bản sắc, hiện đại, xanh, thông minh và đáng sống, đóng vai trò trung tâm dẫn dắt phát triển quốc gia và có vị thế cao trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế theo hướng hiện đại, chất lượng cao, công bằng và hội nhập quốc tế, gắn chặt với tăng trưởng kinh tế, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của người dân.

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, vận hành thông suốt theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chuyển mạnh từ “quản lý hành chính” sang “chính quyền phục vụ và kiến tạo phát triển”, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu. Tháo gỡ đồng bộ, hiệu quả các “điểm nghẽn” về thể chế, quy hoạch, hạ tầng, nguồn lực và chất lượng quản trị, qua đó khơi thông mọi nguồn lực phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế Thủ đô.

Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống; mở rộng, nâng cao, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế, uy tín và vai trò của Thủ đô trên trường quốc tế trở thành điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn; đồng thời huy động tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của Hà Nội.

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu:** *Chi tiết tại phụ lục kèm theo.*

**3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

**3.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách đặc thù phát triển Thủ đô**

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Luật Thủ đô để triển khai ngay sau khi Luật được ban hành. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm, cơ chế đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô và 09 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị. Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô toàn diện, đồng bộ, khả thi với các cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, khơi thông nguồn lực, trọng tâm là các cơ chế, chính sách, hình thành quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ phát triển khoa học công nghệ của Thành phố nhằm thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; giáo dục và đào tạo...

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi nguồn lực, nhất là các nguồn lực: tài nguyên nhân văn, tài nguyên đất đai, tài nguyên số...; thu hút các tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước tham gia thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của Thủ đô.

- Đổi mới quản trị thực thi nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố đồng bộ trong tất cả các khâu: chuyển mạnh sang quản lý theo mục tiêu, kết quả gắn với giám sát quá trình; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền; cải cách hành chính và thực hiện mô hình quản trị mới dựa trên chuyển đổi số, quản trị theo dữ liệu nhằm rút ngắn thời gian xử lý thủ tục đầu tư trọng điểm.

- Thực hiện cơ chế thí điểm phù hợp, hiệu quả trong các lĩnh vực: quy hoạch, đầu tư, tài chính, quản lý phát triển đô thị, đất đai, môi trường, văn hóa, giao thông, dân cư, tổ chức bộ máy... nhằm tăng tính sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với kiểm soát quyền lực trong thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện.

### **3.2. Cơ cấu lại các ngành kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng**

- Tạo đột phá về cấu trúc kinh tế và mô hình tăng trưởng đô thị hiện đại dựa trên chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế bạc...); nâng mức đóng góp TFP trong GRDP lên 57%; tỷ trọng đóng góp kinh tế số trong GRDP lên khoảng 40% vào năm 2030. Doanh thu từ các hoạt động kinh tế đêm đóng góp khoảng 10-15% tổng doanh thu du lịch - dịch vụ. Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, đặc biệt là khu vực tư nhân. Rà soát, phân loại và xử lý dứt điểm 100% các dự án chậm triển khai kéo dài.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tập trung vào các ngành ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, giữ vai trò dẫn dắt trong các chuỗi liên kết phát triển trên các hành lang công nghiệp nội vùng và liên vùng. Tỷ trọng công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn chiếm trên 70% giá trị sản xuất công nghiệp. Hình thành rõ nét các ngành công nghiệp mũi nhọn: bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp dữ liệu giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng. Hoàn thiện và đưa vào vận hành hiệu quả Khu công nghệ cao Hòa Lạc trở thành trung tâm R&D và đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực; Khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội, Khu công viên phần mềm Hà Nội. Hình thành mới và mở rộng các khu công nghiệp, khu công nghệ số đạt tiêu chuẩn quốc tế: Đông Anh, Phù Đổng, Tiến Thắng, Phụng Hiệp (giai đoạn 2), Sóc Sơn (công nghiệp sạch),... Tỷ lệ nội địa hóa trong một số ngành công nghiệp chủ lực đạt 40-60%.

- Phát triển ngành công nghiệp môi trường, trong đó phát triển sản xuất thiết bị và sản phẩm đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo vệ môi trường Thủ đô, phát triển các sản phẩm có lợi thế và năng lực cạnh tranh đáp ứng khoảng 70-80% nhu cầu thiết bị xử lý nước thải; 70-80% nhu cầu thiết bị xử lý khí thải; 50-60% nhu cầu thiết bị thu gom, vận chuyển và phân loại chất thải; 60%-70% nhu cầu phân loại, tái chế chất thải rắn; 20% nhu cầu thiết bị quan trắc môi trường trong nước.

- Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng khuyến khích sản xuất và xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao, xuất khẩu phần mềm, sản phẩm thể mạnh của Thủ đô.

- Phát triển dịch vụ logistics và các trung tâm phân phối để trở thành trung tâm đầu mối trung chuyên đa phương tiện, kết nối liên vùng trong nước và quốc tế. Phân đấu tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ logistics vào GRDP của Thành

phổ đạt 10-12%; tối thiểu 01 trung tâm logistics cấp vùng gắn với sân bay Nội Bài hoặc cửa ngõ phía Bắc (tại khu Đông Anh, Sóc Sơn, Tiến Thắng); 02 trung tâm logistics cấp Thành phố tại khu vực Phú Xuyên (cửa ngõ phía Nam), khu vực Gia Lâm, Long Biên (cửa ngõ phía Đông) và một số hệ thống cảng cạn ICD (ICD Cổ Bi, ICD Đông Anh, ICD Đức Thượng). 70% các doanh nghiệp thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố sử dụng dịch vụ logistics điện tử (e-logistics). Hình thành khu hành chính - kinh tế đặc biệt (dự kiến tại Hòa Lạc), khu thương mại tự do (dự kiến tại khu vực cảng hàng không quốc tế Nội Bài).

- Phát triển du lịch, nhất là du lịch văn hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đẳng cấp, phấn đấu đạt mục tiêu thu hút 12 triệu lượt khách du lịch quốc tế; hình thành 03 khu du lịch (KDL) cấp quốc gia (KDL Ba Vì; KDL di tích thắng cảnh Hương Sơn; KDL khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội), 03-05 KDL cấp thành phố (KDL Hồ Tây và vùng phụ cận; KDL đầm Vân Trì; Tổ hợp KDL sinh thái, văn hóa và vui chơi giải trí khu vực Sóc Sơn; KDL sinh thái và vui chơi giải trí Đầm Lai Cách; KDL hồ Suối Hai); phát triển mới các tổ hợp khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp 4-5 sao tại các cụm du lịch trọng điểm; hình thành và phát triển mới: 03-05 tuyến phố đi bộ gắn với tuyến phố ẩm thực, biểu diễn văn hóa theo chủ đề; 03-05 mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn; 02-03 tổ hợp du lịch thể thao chuyên nghiệp. Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, ẩm thực đặc sắc gắn với khai thác không gian văn hoá - lịch sử, phố cổ - Hồ Tây - sông Hồng và các khu vực có tiềm năng, lợi thế, tạo nên nét đặc sắc, hấp dẫn của Thủ đô Hà Nội. Hoàn thiện hệ thống dữ liệu du lịch số, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, ứng dụng công nghệ trong quản lý điểm đến, khách du lịch và bảo vệ môi trường. Phát triển nền tảng số, dịch vụ du lịch đa kênh, thanh toán không dùng tiền mặt và trải nghiệm du lịch số cho du khách. Thúc đẩy du lịch xanh, du lịch thông minh gắn với giám sát môi trường, tiết kiệm tài nguyên và bảo tồn di sản.

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao có chọn lọc, đến năm 2030 hình thành được 02 khu nông nghiệp công nghệ cao; Hà Nội trở thành trung tâm cung cấp giống chất lượng của khu vực phía Bắc và cả nước. Thúc đẩy phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị - sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp trải nghiệm; phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu đô thị: hoa, cây cảnh, cây đô thị... Đến năm 2030, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GRDP dưới 1,3%. Giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tăng 10%/năm, đồng thời, phát triển được 10 chuỗi giá trị nông sản đặc sản của Hà Nội.

- Tiếp tục cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất hoặc tổ chức lại các đơn vị chưa tự chủ, hoạt động kém hiệu quả. Giảm tối thiểu 10% đầu mỗi đơn vị sự nghiệp so với năm 2025. Xây dựng và triển khai Đề án lựa chọn một số đơn vị sự nghiệp công lập thí điểm xã hội hóa theo mô hình “đầu tư công, quản trị tư”; ít nhất có 03

mô hình “đầu tư công, quản trị tư” tập trung các lĩnh vực y tế chất lượng cao, giáo dục chất lượng cao, khoa học công nghệ và dịch vụ đô thị.

- Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng, đến năm 2030, đóng góp 55-60% trong GRDP; phấn đấu đến năm 2030 có 300.000 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó 05 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026-2030.

- Cơ cấu đầu tư công theo hướng tập trung, hiệu quả; Tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 60%. Hoàn thành việc rà soát, sắp xếp và đưa vào sử dụng hiệu quả 100% trụ sở công đôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính. Tổng thu từ đất giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 268 nghìn tỷ đồng, đóng góp quan trọng cho đầu tư phát triển. Đổi mới và chuyển đổi mạnh mẽ từ quản lý sang quản trị nhà nước về kinh tế, kiến tạo phát triển. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bãi bỏ các rào cản, nâng cao chỉ số PCI (tiếp cận đất đai, vốn đầu tư, công nghệ...).

### **3.3. Phát triển đô thị, hạ tầng và bảo vệ môi trường**

- Triển khai cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm đặt trong mối quan hệ với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, phát huy vị thế trong vùng Thủ đô.

- Xây dựng và triển khai quy hoạch không gian ngầm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị. Phát triển hạ tầng ngầm, với các bãi đỗ xe, công trình công cộng và hệ thống giao thông ngầm, kết hợp các bể chứa nước quy mô lớn để giải quyết triệt để vấn đề ngập úng nội đô. Ưu tiên đầu tư hạ tầng năng lượng sạch và hạ tầng chuyển đổi xanh (hạ tầng sạc, metro...). Bảo tồn và thực hiện xanh hóa nội đô lịch sử, xây dựng các công viên mới, không gian xanh theo mô hình “rừng trong thành phố”.

- Phát triển Hà Nội theo mô hình chùm đô thị, đa cực, đa trung tâm; định vị lại vai trò và chức năng của các đô thị vệ tinh như: Sóc Sơn, Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Phú Xuyên là các trung tâm kinh tế - văn hóa - công nghệ cấp vùng. Quy hoạch, đầu tư, phát triển đô thị hai bên sông Hồng, sông Đuống với sông Hồng là trục cảnh quan trung tâm, biểu tượng phát triển mới của Thủ đô. Phát triển đô thị theo mô hình định hướng giao thông (TOD), các chuỗi đô thị thông minh kết nối đô thị trung tâm, khu vực phát triển đô thị phía Bắc sông Hồng, phía Tây hình thành các không gian phát triển và cực tăng trưởng mới; các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng các công trình trọng điểm cấp bách, hoàn thành đường Vành đai 4 trước năm 2027, đường Vành đai 3 phía Bắc, các đoạn tuyến còn lại của tuyến đường Vành Đai 3,5; xây dựng đường trục phía Nam, tuyến đường Mỹ Đình - Bái Đính - Ba Sao; khởi công đường

Vành đai 5 vào quý IV/2027. Hoàn thành đầu tư mới thay thế, cải tạo sửa chữa toàn bộ hệ thống cầu yếu, cầu tạm trên địa bàn Thành phố; xây dựng các cầu qua sông Hồng (Tứ Liên, Trần Hưng Đạo, Thượng Cát, Hồng Hà, Mễ Sở, Ngọc Hồi, Vân Phúc...). Phối hợp triển khai các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn (đường sắt cao tốc Bắc - Nam và đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng). Hoàn thành khoảng 100 km đường sắt đô thị (các tuyến 2, 3, 5); kết nối hiệu quả nội đô với Nội Bài, Gia Bình, Hòa Lạc. Khai thác hiệu quả Sân bay Nội Bài (quốc tế); các sân bay Gia Lâm, Hòa Lạc (lưỡng dụng).

- Rà soát, tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp và dịch vụ, đô thị, thúc đẩy việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp diện tích khoảng 15.000 ha (được khai thác từ Quỹ đất đã sơ bộ xác định được ranh giới, có thể khai thác theo quy hoạch; quỹ đất đấu giá, đấu thầu; quỹ đất từ các Dự án chậm triển khai); tương ứng tỷ lệ đất phi nông nghiệp tăng từ 41% lên 46%.

- Xử lý triệt để ô nhiễm không khí nội đô, thực hiện vùng phát thải thấp. Hồi sinh các sông Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét...; xử lý ô nhiễm môi trường sông Nhuệ - Đáy, Cầu Bây - Bắc Hưng Hải; xây dựng khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, Núi Thoong và Châu Can; hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, Sơn Tây, Yên Sở... nhằm cải thiện môi trường sống, hệ sinh thái tự nhiên. Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn với các mô hình “Gia đình phân loại rác”, “xã, phường xanh sạch” kết hợp với việc tổ chức hệ thống thu gom rác thải thông minh tại khu vực nội thành. Kiểm soát phát thải và nâng cao chất lượng không khí.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá chuyển đổi giao thông xanh; kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân; khắc phục cơ bản tình trạng ùn tắc giao thông trong nội đô và tại các cửa ngõ. Phấn đấu hoàn thành phát triển khoảng 120.000 căn nhà ở xã hội.

### **3.4. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong mọi lĩnh vực; xây dựng Thành phố thông minh với người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính**

Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm khoa học công nghệ hàng đầu cả nước, ngang tầm với các nước trong khu vực châu Á và thế giới; đóng vai trò dẫn dắt hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong vùng đồng bằng sông Hồng. Phát huy vai trò hạt nhân của Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Khu công nghệ cao sinh học, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học; dẫn đầu cả nước về chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII). Phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học, công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hoạt động đổi mới công

nghệ; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 50%. Vận hành hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội và chuyển đổi số, Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho công nghệ mới. Hoàn thiện chính quyền số toàn diện, vận hành dựa trên dữ liệu số và AI, tạo thêm 30.000-50.000 tỷ đồng giá trị gia tăng/năm từ chuyển đổi số. Hình thành xã hội số toàn diện, bao trùm: 80-90% người dân có kỹ năng số cơ bản; 100% học sinh được trang bị kỹ năng số và AI nền tảng; 95% người dân hài lòng với dịch vụ công trực tuyến; Hà Nội nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về chỉ số công dân số. Hình thành mạng lưới nhân lực tinh hoa của Thủ đô; đào tạo 1.000 nghiên cứu sinh giai đoạn 2026-2030 gắn với bài toán lớn của Thủ đô. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng, nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP).

### **3.5. Phát triển văn hóa, xã hội**

Tập trung phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền thống ngàn năm Thăng Long - Hà Nội để Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước; xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, hiện đại, tôn trọng pháp luật với những giá trị nhân văn sâu sắc, tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và phong cách lao động sáng tạo của con người Việt Nam; đề văn hoá và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, là động lực, nguồn lực phát triển mới của Thủ đô. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các di tích, công trình kiến trúc có giá trị, trọng tâm là các di sản thế giới, di tích quốc gia. Tăng cường tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao, du lịch, triển lãm và phát triển các sản phẩm văn hoá, du lịch có thương hiệu mang tầm quốc tế.

100% xã, phường có thiết chế văn hoá, thể thao; 95% thiết chế văn hoá cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả; 100% các di tích quốc gia, quốc gia đặc biệt được số hoá và ứng dụng trên các nền tảng số; hình thành 03-05 sự kiện mang thương hiệu quốc gia trong lĩnh vực thiết kế sáng tạo. Phấn đấu thêm 02 di sản văn hoá được UNESCO công nhận, ghi danh; có 03 thương hiệu quốc tế về âm nhạc, điện ảnh, lễ hội văn hoá. Hình thành 15-20 trung tâm công nghiệp văn hóa và Trung tâm phát triển thương mại văn hóa, Trung tâm thiết kế sáng tạo quy mô cấp Thành phố và địa phương với nhiều mô hình hoạt động. Hoàn thành xây dựng không gian chính điện Điện Kính Thiên trong Khu di sản thế giới Hoàng thành Thăng Long để trở thành điểm đến quốc tế; vận hành hiệu quả khu đô thị thể thao Olympic; phát huy hiệu quả dự án Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng gắn với khu làng cổ, làng nghề và các công trình di tích. Đẩy mạnh số hóa di sản, tư liệu văn hóa, nghệ thuật; số hóa, lập bản đồ số đối với di tích được xếp hạng, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số về công nghiệp văn hóa, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ sáng tạo và lan tỏa giá trị văn hóa Hà Nội. 100% di tích xếp hạng, bảo vật quốc gia

được số hóa và quản lý trên nền tảng GIS. Ứng dụng thực tế ảo (VR/AR) trong ít nhất 50% điểm di tích, bảo tàng trọng điểm.

Phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp và thể dục thể thao cho mọi người. Đăng cai tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp khu vực và quốc tế. Cải thiện, nâng cao thể chất, tuổi thọ người Hà Nội, chú trọng nâng cao tầm vóc, thể lực thanh, thiếu niên, học sinh Thủ đô.

### **3.6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao dẫn đầu cả nước, hội nhập quốc tế**

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện theo hướng tiếp cận nhanh với trình độ tiên tiến của khu vực, thế giới; trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo; nhân rộng mô hình giáo dục thông minh sử dụng trí tuệ nhân tạo; xây dựng trường học hạnh phúc bằng nhiều mô hình sáng tạo. Xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, là Thành phố học tập toàn cầu.

Chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; phấn đấu đến năm 2030 năng lực tiếng Anh của học sinh phổ thông đạt các mức: Mức 1 ( $\geq 50\%$ ), Mức 2 (10%), Mức 3 (5%). Phổ cập phương thức giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật (STEAM), toán học (STEM), giáo dục sáng tạo và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; phát triển toàn diện học sinh về “đức - trí - thể - mỹ”; trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để trở thành công dân toàn cầu. Duy trì bền vững kết quả phổ cập THCS mức độ 3; Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp THPT và tương đương đạt từ 95% trở lên vào năm 2030.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, trọng tâm chuyển từ bồi dưỡng đại trà sang bồi dưỡng theo nhu cầu và vị trí việc làm; tập trung vào năng lực quản trị nhà trường hiện đại, phương pháp dạy học tích hợp (STEM/STEM) và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực học sinh. Đến năm 2030 có tối thiểu 120 công chức, viên chức được cử đi đào tạo trình độ Tiến sỹ các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ để làm nòng cốt cho các trường chuyên, chất lượng cao và trường đại học thuộc Thành phố.

Đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới trường học, đảm bảo cơ sở vật chất các trường học; 100% trường học kiên cố hóa, đủ phòng học theo quy định; từ 90% trường trở lên đạt chuẩn quốc gia (trường mầm non và trường phổ thông công lập); tỷ lệ trường chất lượng cao đạt 5%; hình thành mạng lưới trường học thông minh, hiện đại tại các khu đô thị mới và ngoại thành để giảm tải cho nội đô; không để phát sinh mới các lớp học quá tải sỹ số quy định tại các trường

chuẩn quốc gia; xây dựng khu đại học tập trung, phân bố theo cụm ngành, nghề đào tạo; xây dựng đề án phát triển trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam và trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng đề án phát triển trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo mô hình đại học ứng dụng, định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, phấn đấu đến năm 2030, trường thành lập thêm 01 trường đại học thành viên và lọt vào nhóm trường đại học hàng đầu Việt Nam (Xếp hạng VNUR  $\leq 45$ ). Ưu tiên bố trí các cơ sở nhà đất dôi dư sau sắp xếp dành cho các cơ sở giáo dục. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, đặc biệt là nhân tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ; chế độ đãi ngộ ngang tầm quốc tế để thu hút sinh viên, các nhà khoa học xuất sắc trên thế giới đến học tập, làm việc, cống hiến cho Thủ đô.

### **3.7. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô.**

Nâng cao năng lực hạ tầng y tế, chất lượng mạng lưới y tế dự phòng và chất lượng khám, chữa bệnh ở tất cả các tuyến. Hoàn thành Đề án sắp xếp hệ thống khám bệnh, chữa bệnh Thủ đô theo 3 cấp (ban đầu, cơ bản, chuyên sâu); Cơ sở vật chất và thiết bị y tế được đầu tư nâng cấp, xây dựng, mở rộng đáp ứng quy mô hoạt động của 04 bệnh viện: Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn, Bệnh viện Ung bướu Hà Nội, Bệnh viện Tim Hà Nội, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Bảo đảm vaccine, tiêm chủng; không chế kịp thời, hiệu quả các dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh đặc biệt nguy hiểm, dịch bệnh mới phát sinh. Đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội ngang tầm khu vực.

Phát triển Thủ đô Hà Nội dẫn đầu cả nước về bảo đảm an sinh xã hội; xây dựng hệ thống an sinh đa tầng, hiện đại, bao trùm, thích ứng linh hoạt, bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Nâng cao hiệu quả chính sách an sinh xã hội; thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách và huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo cho người có công, người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội, quan tâm xây dựng chính sách hỗ trợ cho các hộ cận nghèo; hỗ trợ đồng bào dân tộc vùng xa, thu hẹp chênh lệch về trình độ phát triển giữa thành thị - nông thôn, mọi người dân đều được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, có chất lượng. Nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội, đầu tư phát triển các cơ sở bảo trợ xã hội, phát triển mạng lưới chăm sóc xã hội và đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp. Tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ cho người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động; phối hợp với các địa phương để giải quyết tình trạng người dân đến Thủ đô tìm việc làm.

### **3.8. Tăng cường quốc phòng, an ninh; phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; bảo đảm phát triển kinh tế -

xã hội gắn với tăng cường tiềm lực về quốc phòng và an ninh; xây dựng công trình có tính lưỡng dụng cao; tập trung nâng cao chất lượng xây dựng các công trình quốc phòng; đầu tư trang bị, công cụ hỗ trợ hiện đại, phương tiện làm việc cho lực lượng vũ trang Thủ đô, nhất là lực lượng thường trực, cơ động sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố ngày càng vững chắc. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội (dự kiến năm 2029); hàng năm chỉ đạo từ 01-02 sở, 05 Ban chỉ huy phòng thủ khu vực và từ 40-42 xã, phường diễn tập tác chiến phòng thủ. Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu cao; tập trung xây dựng lực lượng thường trực “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”; lực lượng dự bị động viên “hùng hậu”, lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh và rộng khắp” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống; là lực lượng nòng cốt trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, cứu hộ - cứu nạn. Lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,2-1,5% dân số trên địa bàn Thành phố.

Xây dựng lực lượng Công an Thủ đô chính quy, tinh nhuệ, đến năm 2030 tiến thẳng lên hiện đại; tiếp tục hoàn chỉnh tổ chức bộ máy theo hướng “tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”. Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở “vững mạnh”. Giữ vững ổn định chính trị tuyệt đối, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ. Hàng năm, phấn đấu kiềm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội. Tuyệt đối không để tội phạm có tổ chức hoạt động công khai, trắng trợn, lộng hành gây dư luận xấu, bức xúc trong Nhân dân. Phấn đấu kéo giảm tỷ lệ người chấp hành xong án phạt tù thuộc diện tái hòa nhập cộng đồng tái phạm tội ở mức dưới 1,5%/năm. Đạt và vượt các chỉ tiêu, phấn đấu năm sau cao hơn năm trước, trong đó: 100% tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, trong đó tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%. Tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm đạt trên 80%, các tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95% tổng số án khởi tố. Tăng cường năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **3.9. Mở rộng hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế**

Đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn, nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển toàn diện, sâu rộng. Mở rộng hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế; chủ động tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thông minh, sáng tạo ở khu vực và quốc tế; chú trọng hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch... Hợp tác chặt chẽ, hiệu quả với các tỉnh, thành trong cả nước. Dẫn dắt phát triển, thúc đẩy kết nối nội vùng, liên vùng, phát huy lợi thế cạnh tranh của Thủ đô trong tam giác động lực phát triển phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) và vùng Đồng bằng sông Hồng. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác, thiết lập cơ chế phối hợp với các địa phương lân cận nhằm xử lý hiệu quả ô nhiễm môi trường

nước và không khí. Hà Nội nằm trong top 3-5 thành phố có chỉ số hội nhập quốc tế cao nhất cả nước. Thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác chính thức với 50-70 thủ đô/đô thị lớn trên thế giới. Tổ chức thường xuyên các sự kiện giao lưu văn hóa quốc tế, lễ hội quy mô lớn. Thu hút FDI đạt tối thiểu 4,5 tỷ USD/năm, trong đó tỷ trọng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo chiếm trên 50%. Xuất khẩu sang các thị trường FTA thế hệ mới tiếp tục tăng trưởng tích cực, trong đó EVFTA tăng 10 - 12%, CPTPP tăng 9 - 12%, UKVFTA tăng 10 - 13%, RCEP tăng 10 - 12%. Tỷ lệ doanh nghiệp xuất khẩu chủ lực đạt các chứng chỉ xanh, bền vững đạt trên 15%; duy trì và cải thiện thứ hạng Bộ chỉ số đánh giá thực hiện các FTA (FTA Index).

### **3.10. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị và phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí**

Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và đơn vị hành chính. Đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), giảm thiểu thủ tục, chuyển đổi quản trị chính quyền địa phương theo hướng minh bạch, hiện đại. Ban hành các tiêu chí theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC trong nội bộ cơ quan, đơn vị và triển khai thực hiện; giảm tối thiểu 20% thủ tục hành chính và 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4. Cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng và thực hiện chính sách tiền lương mới. Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI) của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định về thu hút, trọng dụng người có tài năng của thành phố Hà Nội. Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm, thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát. Thực hiện tốt công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện kéo dài, các vụ việc phức tạp, không để phát sinh “điểm nóng” phức tạp về an ninh trật tự. Đẩy mạnh công tác cải cách tư pháp, xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn Thành phố. Tiếp tục quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp.

### **3.11. Tăng cường công tác phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên**

Tạo đồng thuận cao trong xã hội thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030. Nâng cao vai trò của mỗi cơ quan trong việc phối

hợp giám sát thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, đột xuất; công tác tiếp xúc cử tri theo quy định; công tác phản biện xã hội đối với những quyết định quan trọng của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố. Quan tâm tiến độ, chất lượng trả lời và phối hợp giải quyết những vấn đề dân sinh bức xúc. Phối hợp tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện nếp sống văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Phối hợp triển khai công tác đảm bảo an sinh xã hội, vận động ủng hộ người nghèo... phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo.

#### **4. Giải pháp thực hiện**

**4.1. Đảm bảo một số cân đối lớn về:** Thu, chi ngân sách nhà nước, trong đó: tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 khoảng 3.725,4 nghìn tỷ đồng (Gồm các khoản thu từ nhà đất khoảng 315,4 nghìn tỷ đồng, trong đó thu tiền sử dụng đất khoảng 267,9 nghìn tỷ đồng); huy động vốn đầu tư phát triển xã hội trên 5 triệu tỷ đồng (Trong đó, vốn đầu tư khu vực nhà nước chiếm khoảng 30%, vốn đầu tư phát triển khu vực ngoài nhà nước khoảng 62%, vốn đầu tư nước ngoài khoảng 8%); đảm bảo chi 4% tổng chi ngân sách cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; 4% tổng chi ngân sách cho văn hóa; nguồn lao động đảm bảo đáp ứng khoảng 4.373 nghìn người, trong đó: nhân lực công nghệ cao, công nghệ chiến lược có khoảng 50.000 lao động/năm được đào tạo; điện thương phẩm phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng toàn Thành phố đạt 52.178 triệu kWh.

#### **4.2. Giải pháp thực hiện chủ yếu**

- Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, đầy đủ trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Phát động và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, người lao động. Công khai, minh bạch các luật và văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước và Thành phố về khuyến khích sản xuất, kinh doanh, xã hội hóa đầu tư, về quy hoạch, kế hoạch... Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, thị trường xuất, nhập khẩu; tích cực tháo gỡ khó khăn và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy tăng trưởng.

- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách:

+ Thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, quy hoạch và cơ chế, chính sách quan trọng của Trung ương và Thành phố về xây dựng, phát triển Thủ đô. Tập trung xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thúc đẩy xã

hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực cho phát triển nhất là khai thác hiệu quả nguồn lực từ tài sản công, từ đất đai; sắp xếp, tổ chức lại, thành lập các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng đa mục tiêu, đa chức năng, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực động lực, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo và các mô hình kinh tế mới. Nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm tăng nhanh năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững.

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính theo hướng kiến tạo phát triển, linh hoạt, hiệu quả; thúc đẩy huy động và phân bổ tối ưu các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực ngoài nhà nước; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình trọng điểm, dự án hạ tầng chiến lược, dự án có tính lan tỏa, kết nối vùng, tạo cực tăng trưởng mới của Thủ đô. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý, phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công theo nguyên tắc tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, công khai, minh bạch; lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội, nhất là theo phương thức đối tác công - tư (PPP); kiên quyết khắc phục tình trạng dàn trải, kéo dài, kém hiệu quả.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ công; xây dựng các chính sách ưu đãi vượt trội nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số, công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thủ đô, đóng vai trò dẫn dắt cả nước.

+ Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số; khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp thông minh. Đẩy nhanh cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất; chuyển đổi linh hoạt diện tích canh tác kém hiệu quả sang các mô hình cây trồng, vật nuôi có giá trị gia tăng cao; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm an toàn thực phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình nông nghiệp đặc trưng, thương hiệu nông sản Thủ đô gắn với OCOP và xuất khẩu.

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển và quản lý nhà ở theo hướng bền vững, đồng bộ, hiện đại; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, đẩy nhanh tiến độ cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở (nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, người thu nhập thấp), bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng sống của người dân. Xây dựng và chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác, giám sát thông minh trong sản xuất, phân phối và cung cấp nước sạch; ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong quản lý hệ thống cấp nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, chất lượng nước và khả năng cung ứng ổn định, liên tục cho người dân.

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển ngành giao thông vận tải theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên thông đa phương thức; ưu tiên phát triển hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn (đường sắt đô thị, xe buýt điện), kết nối hiệu quả với hạ tầng đô thị và vùng Thủ đô. Triển khai các giải pháp đột phá nhằm nâng cao tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, giảm ùn tắc và ô nhiễm môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ, giao thông thông minh (ITS), quản lý nhu cầu giao thông, phát triển giao thông xanh, giao thông phi cơ giới; từng bước hình thành hệ thống giao thông đô thị hiện đại, bền vững, lấy người dân làm trung tâm.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, thị trường làm định hướng; thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ hiện đại, minh bạch, hội nhập quốc tế. Triển khai các cơ chế, chính sách đột phá để thu hút mạnh mẽ nguồn lực xã hội, đặc biệt là khu vực tư nhân và các tập đoàn công nghệ lớn trong và ngoài nước đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tập trung xây dựng và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thủ đô với các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), phòng thí nghiệm trọng điểm, chợ công nghệ (Techmart), sàn giao dịch công nghệ, các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, từng bước hình thành các cụm liên kết ngành công nghệ cao có sức lan tỏa vùng và quốc gia.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch bằng các chương trình, đề án, dự án và giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương, tập trung đảm bảo các cân đối lớn, trong đó một số nội dung trọng tâm như sau: Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 5 năm 2026-2030; Kế hoạch đầu tư công và Danh mục các công trình trọng điểm giai đoạn 2026-2030; Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vốn ngoài ngân sách nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch giai đoạn 2026-2030; Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2026-2030;...

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch 5 năm thành kế hoạch hằng năm và chương trình, đề án cụ thể để triển khai thực hiện; chỉ đạo các cấp chủ động tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và nhân dân Thủ đô phát huy vai trò làm chủ, cùng giám sát thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030.

Hội đồng nhân dân Thành phố kêu gọi các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang, các cấp, các ngành và các đoàn thể Thủ đô nỗ lực phấn đấu thi đua hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố 5 năm 2026-2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đảng ủy HĐND, Đảng ủy UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP, UB MTTQ VN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố ;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT, DL và CNS Tp Hà Nội;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Phùng Thị Hồng Hà**



**PHỤ LỤC  
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội)*

**I. Về kinh tế (10 chỉ tiêu) gồm:**

- (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá hiện hành đạt 11.430 tỷ đồng;
- (2) Phân đầu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt từ 11,0%/năm trở lên;
- (3) GRDP bình quân đầu người trên 12.000 USD;
- (4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 40%;
- (5) Tỷ trọng công nghiệp văn hóa trong GRDP khoảng 9%;
- (6) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng bình quân đạt 57%;
- (7) Đảm bảo thu ngân sách nhà nước 3.725,4 nghìn tỷ đồng;
- (8) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt 5,0 triệu tỷ đồng;
- (9) Vốn đầu tư xã hội thực hiện trên địa bàn/GRDP đạt 43,74%;
- (10) Thu hút FDI đạt 16 tỷ USD;

**II. Về văn hóa - Xã hội (18 chỉ tiêu) gồm:**

- (11) Dân số cuối năm 2030 đạt 9.276,9 nghìn người;
- (12) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh khoảng 78 tuổi;
- (13) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,88;
- (14) Chỉ số hạnh phúc đạt 9/10 tiêu chí;
- (15) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 4.373 nghìn lao động;
- (16) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 100%;
- (17) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 80% trở lên, trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ 60%;
- (18) Tỷ lệ thất nghiệp dưới 3%;
- (19) Năng suất lao động năm 2030 giá hiện hành đạt 644,5 triệu đồng/lao động, trong đó: tốc độ tăng năng suất lao động đạt 9,5%;
- (20) Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân: 19 bác sỹ;
- (21) Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt 38 giường;
- (22) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%, trong đó: Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động đạt 60%; tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên lực

lượng lao động trong độ tuổi lao động (nông dân, lao động khu vực phi chính thức) đạt 10%; tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động đạt 50%;

(23) Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần đạt 100%;

(24) Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 90%;

(25) Tỷ lệ nghèo đa chiều (theo tiêu chí của Thành phố): 0%

(26) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt 14,5 triệu đồng/người;

(27) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 100%;

(28) Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới đạt 80%; tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới hiện đại đạt 20%; có thêm 2000 sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 sao trở lên;

### **III. Về quy hoạch, đô thị, nông thôn và môi trường (12 chỉ tiêu) gồm:**

(29) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65-70%;

(30) Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng tối thiểu 30% nhu cầu đi lại của người dân;

(31) Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành khoảng 120.000 căn;

(32) Diện tích nhà ở bình quân đạt 32m<sup>2</sup>/người;

(33) Diện tích cây xanh đô thị đạt tối thiểu 10m<sup>2</sup>/người;

(34) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 6,2%;

(35) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%;

(36) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;

(37) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%, trong đó xử lý bằng phương pháp chôn lấp dưới 10%;

(38) Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đạt 70%, trong đó tại lưu vực 4 sông nội đô đạt 100%; Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn đạt 40%; tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải làng nghề đạt 50%;

(39) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%;

(40) Tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí ở mức tốt và trung bình đạt 80% trở lên.